

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2016/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 30 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp
trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật để cập nhật
vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 47/TTr-STP ngày 22/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2016.

Giao Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trà

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định trách nhiệm phối hợp trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

2. Quy chế này áp dụng đối với các Sở, ban, ngành được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp.

Điều 2. Mục đích phối hợp

1. Nâng cao trách nhiệm của các Sở, ban, ngành trong việc tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

2. Xây dựng, quản lý, duy trì cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật để cung cấp chính xác, kịp thời văn bản nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước, phổ biến pháp luật, nghiên cứu, tìm hiểu áp dụng và thi hành văn bản pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc cung cấp văn bản phải kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Sở Tư pháp để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

2. Bảo đảm tính khách quan, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện, phát huy tính chủ động, tích cực và đề cao trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả cao nhất.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thời hạn cung cấp văn bản

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ký ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải thông báo trực tiếp và gửi văn bản đã được ký ban hành (bản giấy là bản gốc và bản điện tử) đến cơ quan chủ trì soạn thảo.

Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo văn bản sau khi nhận được văn bản giấy và văn bản điện tử phải tổ chức kiểm tra về thể thức và nội dung của văn bản, so sánh, đối chiếu giữa văn bản giấy và văn bản điện tử, nếu không phát hiện sai sót thì chậm nhất 03 ngày làm việc phải gửi bản giấy là bản chính đã đóng dấu và bản điện tử văn bản (bản word và bản pdf) đến Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản, Sở Tư pháp để thực hiện cập nhật văn bản. Nếu phát hiện văn bản có sai sót thì kịp thời kiến nghị đến Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để điều chỉnh và gửi văn bản đã được điều chỉnh đến Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản, Sở Tư pháp chậm nhất là 02 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện sai sót.

Đối với văn bản do Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì soạn thảo thì sau khi văn bản được ký ban hành tổ chức tự kiểm tra thể thức và nội dung văn bản, chậm nhất 03 ngày làm việc phải gửi bản giấy là bản chính đã đóng dấu và bản điện tử văn bản (bản word và bản pdf) đến Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản, Sở Tư pháp để thực hiện cập nhật văn bản.

Đối với văn bản do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo thì các đơn vị trực thuộc Sở sau khi nhận được văn bản giấy và văn bản điện tử phải tổ chức kiểm tra về thể thức và nội dung của văn bản, so sánh, đối chiếu giữa văn bản giấy và văn bản điện tử, nếu không phát hiện sai sót thì chậm nhất 03 ngày làm việc phải gửi bản giấy là bản chính đã đóng dấu và bản điện tử văn bản (bản word và bản pdf) đến Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản để thực hiện cập nhật văn bản. Nếu phát hiện văn bản có sai sót thì kịp thời kiến nghị đến Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để điều chỉnh và gửi văn bản đã được điều chỉnh đến Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản chậm nhất là 02 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện sai sót.

2. Những văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định 52/2015/NĐ-CP của Chính phủ phải được gửi ngay đến Sở Tư pháp thực hiện việc cập nhật văn bản trong ngày ký ban hành.

3. Đối với những văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực được ban hành trước năm 2007 thì các Sở, ban, ngành phải gửi văn bản giấy và văn bản điện tử đến Sở Tư pháp để cập nhật đầy đủ; khuyến khích việc gửi những văn bản đã hết hiệu lực thi hành.

4. Sau khi nhận được văn bản chính thức, Sở Tư pháp tổ chức cập nhật và đăng tải văn bản theo thời gian quy định tại Điều 17 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Khi được cấp chữ ký điện tử thì sử dụng để xác thực nội dung của văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo đúng quy định hiện hành.

5. Văn bản bãi bỏ, hủy bỏ văn bản quy phạm pháp luật cũng được cung cấp, cập nhật như văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác văn bản giấy và văn bản điện tử (bản word và bản pdf) cho cơ quan chủ trì soạn thảo.

2. Trường hợp được giao chủ trì soạn thảo thì phải cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác văn bản giấy và văn bản điện tử (bản word và bản pdf) cho Sở Tư pháp (văn bản điện tử gửi qua địa chỉ email: xdktvb@stp.phuyen.gov.vn) để thực hiện cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Cập nhật đầy đủ các thông tin của văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Việc cập nhật văn bản thực hiện theo quy trình tại Điều 14 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Thực hiện việc kiểm tra kết quả cập nhật và thời hạn đăng tải văn bản được quy định tại Điều 15, Điều 17 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Thực hiện việc hiệu đính văn bản khi phát hiện có sự khác nhau giữa các thông tin theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Đăng ký sử dụng chữ ký điện tử để xác thực nội dung của văn bản theo quy định.

6. Xây dựng kế hoạch kinh phí hàng năm để thực hiện việc cập nhật văn bản trên Cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

7. Định kỳ tháng 12 hàng năm, chuẩn bị báo cáo về tình hình cập nhật, khai thác và sử dụng văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Tư pháp.

Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác văn bản giấy và văn bản điện tử (bản word và bản pdf) cho Sở Tư pháp (văn bản điện tử gửi qua địa chỉ email: xdktvb@stp.phuyen.gov.vn) để thực hiện cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc cung cấp văn bản để cập nhật.

3. Trong quá trình khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật khi phát hiện có sự khác nhau giữa các thông tin cơ bản của văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật với bản chính văn bản do cơ quan mình tham mưu ban hành, phải thông báo bằng văn bản đến Sở Tư pháp để thực hiện việc hiệu đính văn bản.

4. Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai sử dụng chứng thư số, chữ ký số khi cập nhật văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

5. Sở Tài chính bố trí kinh phí ngân sách hàng năm để thực hiện việc quản lý, duy trì, cập nhật văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật cho Sở Tư pháp theo quy định.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc, theo dõi và báo cáo kết quả triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tổ chức triển khai thực hiện các nội dung quy định của Quy chế này tại cơ quan, đơn vị mình.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Trà